TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **587**/2019/QĐST-VHNGĐ *Biên Hòa, ngày 16 tháng 04 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ khoản 2 Điều 396; khoản 4 Điều 397; khoản 2 Điều 149; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 647/2019/TLST-VHNGĐ ngày 09/04/2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Người yêu cầu giải quyết việc dân sự**:

- Bà Phạm Kim Đ, sinh năm 1989

Địa chỉ thường trú: xã Kh, huyện U , tỉnh Cà Mau

Địa chỉ tạm trú: 120/74/3, khu phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Ông Nguyễn Bá Đ, sinh năm 1991

Địa chỉ thường trú: xã B, huyện Gi, tỉnh Kiên Giang

Địa chỉ tạm trú: 120/74/3, khu phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 08 tháng 04 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội

[2] Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Kim Đ và ông Nguyễn Bá Đ đồng ý thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Phạm Mai Th, sinh ngày 30/01/2014. Ly hôn, các bên thống nhất giao cháu Thảo cho bà Đ chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng) kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Th đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Ông Đ được quyền đi lại thăm con không ai cản trở.

Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết ông bà được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

- Về nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Đ và ông Đ phải chịu lệ phí dân sự hòa giải thành là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) và được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí bà Đ và ông Đ đã nộp theo Biên lai thu số 0004598 ngày 08/04/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Bà Đ và ông Đ đã nộp đủ lệ phí.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành số tiền trên thì phải chịu lãi suất với số tiền chậm trả theo lãi suất được quy định của Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND TP.B;
- Chi cục THADS TP.B;
- UBND xã Kh, huyện U tỉnh Cà Mau
- Lưu hồ sơ.

Trần Thị Mộng Hà